TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 153/2017/DS-ST
Ngày 19 – 12 – 2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Trần Thị Cúc.
Ông Võ Thanh Liêm.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Cúc – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 417/2017/TLST-DS, ngày 02 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng vay theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 917/2017/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên L; trụ sở số 40-42-44, Phạm Hồng T, phường Vĩnh Thanh V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Trần Thiện Thanh Tuấn, chức vụ: Phó Phòng KHCN kiêm KHDN của Ngân hàng TMCP Kiên L chi nhánh tỉnh Cà Mau; cư trú tại số 6B, khu tập thể thủy sản, khóm A, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau (theo giấy ủy quyền số: 659/UQ-CNCM ngày 06/11/2017 - có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Hoàng Đ và chị Trương Khả A; cùng cư trú tại số 358E, Nguyễn T, khóm D, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 09/6/2016, chị Trương Khả A cùng anh Phạm Hoàng Đ ký hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số 739/HĐTD-CC với Ngân hàng TMCP Kiên L chi nhánh Cà Mau (gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất trong hạn là 1,245%/tháng, lãi suất quá hạn là 1,686%/tháng, phương thức thanh toán trả góp vốn gốc và lãi theo ngày cho đến hết thời hạn vay. Khi vay, chị A và anh Đ có cầm cố cho Ngân hàng 01 xe mô tô, biển số 69C1-108.88 của chị A đứng tên chủ sở

hữu cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 010869 do Công an thành phố C cấp ngày 08/02/2012 để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, Ngân hàng chỉ giữ giấy chứng nhận đăng ký xe của chị A chứ không giữ xe nhưng giữa các bên có lập biên bản thỏa thuận gửi giữ tài sản vào ngày 09/6/2016 và giao chiếc xe trên cho chị A, anh Đ quản lý. Quá trình thực hiện hợp đồng, chị A cùng anh Đ trả vốn và lãi được 15 ngày tính từ ngày giải ngân là ngày 13/6/2016 với số tiền vốn trả được là 990.000đ cùng tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng thì ngưng trả cho đến nay. Tại tòa, Ngân hàng yêu cầu anh Đ cùng chị A có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi là 10.832.836đ (mười triệu tám trăm ba mươi hai nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng). Trong đó, vốn vay là 9.010.000đ và tiền lãi Ngân hàng chỉ tính từ ngày tiếp theo của ngày hết thời hạn vay là ngày 11/12/2016 cho đến ngày 31/10/2017 với số tiền là 1.822.836đ chứ không yêu cầu anh Đ, chị A trả khoản tiền lãi trong thời gian ngưng trả lãi cho đến ngày hết hạn hợp đồng (từ ngày 29/6/2016 đến ngày 10/12/2016). Đồng thời, tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 31/10/2017 cho đến ngày thanh toán dứt nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Riêng đối với việc cầm cố, gửi giữ xe môt tô biển số 69C1-108.88 của chị A, Ngân hàng xác định không có tranh chấp cũng không đặt ra yêu cầu gì đối với tài sản trên và đồng ý trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe cho chị A khi anh Đ, chị A thanh toán dứt nợ.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Hoàng Đ và chị Trương Khả A (bị đơn) trình bày:

Anh, chị thừa nhận có vay và đồng ý thanh toán cho Ngân hàng TMCP Kiên L chi nhánh Cà Mau số tiền vốn, lãi tính đến ngày 31/10/2017 là 10.832.836đ (mười triệu tám trăm ba mươi hai nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng) nhưng hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn nên anh, chị xin được trả dần số tiền nợ trên mỗi tháng 300.000đ cho đến khi dứt nợ và yêu cầu Ngân hàng trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 010869 do Công an thành phố C cấp ngày 08/02/2012 cho anh, chị. Đồng thời, do anh chị đi làm thuê, việc xin nghỉ rất khó khăn nên anh, chị xin Tòa án cho anh chị vắng mặt trong các lần Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các lần Tòa án xét xử vụ án trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Tranh chấp giữa nguyên và bị đơn được xác định là tranh chấp hợp đồng vay, có quy định lãi suất cụ thể là hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số 739/HĐTD-CC ngày 09/6/2016. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không trả vốn và lãi theo thoả thuận là đã vi phạm điều khoản cam kết trong hợp đồng nên được xem xét làm cơ sở để thanh lý hợp đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, lời trình bày của nguyên đơn tại phiên toà thể hiện việc bị đơn có vay và hiện còn nợ nguyên đơn số tiền vốn vay là 9.010.000đ cùng tiền lãi tính từ ngày 11/12/2016 đến ngày 31/10/2017 là 1.822.836đ là sự thật, được các đương sự thừa nhận nên không phải chứng minh. Đồng thời, bị đơn cũng

đồng ý thanh toán số tiền nợ trên. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Riêng khoảng thời gian bị đơn ngưng trả vốn và lãi tính từ ngày 29/6/2016 đến ngày hết hạn hợp đồng là ngày 10/12/2016, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi trong khoản thời gian này – đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận mà không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp .

[2] Về thời gian và phương thức thanh toán nợ vay, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa các đương sự không thoả thuận được với nhau và việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan Thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án này. Đối với việc cầm cố, gửi giữ tài sản là xe mô tô biển số 69C1-108.88 của bị đơn, giữa các đương sự xác định không có tranh chấp cũng không đặt ra yêu cầu gì đối với tài sản trên bởi thực tế xe mô tô trên bị đơn đang quản lý, phía nguyên đơn chỉ giữ giấy chứng nhận đăng ký xe nên Hội đồng xét xử cũng không đặt ra xem xét, xử lý việc cầm cố, gửi giữ xe này. Tuy nhiên, nguyên đơn phải có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy cho bị đơn, khi bị đơn thanh toán dứt nợ.

[3] Về thủ tục tố tụng, bị đơn đã có lời khai và có yêu cầu xin vắng mặt trong các lần Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng các lần Tòa án xét xử vụ án. Xét thấy, yêu cầu trên của bị đơn đúng với quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải nộp. Nguyên đơn không phải nộp, đã nộp tạm ứng án phí vào ngày 02/11/2017 với số tiền là 300.000đ được trả lại toàn bộ cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên L.

- Buộc anh Phạm Hoàng Đ, chị Trương Khải A thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên L các khoản với số tiền là 10.832.836đ (mười triệu tám trăm ba mươi hai nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng) và tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng tính từ ngày 31/10/2017 cho đến khi thi hành xong.

- Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên L có trách nhiệm trả lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 010869 do Công an thành phố C cấp cho chị Trương Khả A vào ngày 08/02/2012 khi anh Phạm Hoàng Đ và chị Trương Khải A thanh toán xong nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Anh Phạm Hoàng Đ, chị Trương Khải A phải nộp số tiền là 541.000đ (năm trăm bốn mươi mốt nghìn đồng - chưa nộp).

- Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên L không phải nộp. Vào ngày 02/11/2017, Ngân hàng đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0003899 được trả lại toàn bộ cho Ngân hàng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân